



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo tài chính**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 28/8/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

**Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phân vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 41,5 % vốn điều lệ.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0511) 3889954
- Fax: (0511) 3889957
- Website: [www.dautugiaoduc.com.vn](http://www.dautugiaoduc.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 41 người, trong đó cán bộ quản lý là 10 người.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                         |          |                              |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ông Thừa Phú      | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30/03/2012     |
| • Ông Huỳnh Bá Vân      | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Hồ Văn Lĩnh       | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Phạm Thanh Nam    | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |

### Ban Kiểm soát

- |                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Tiến Dũng | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Lê Quang Tiến  | Ủy viên    | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Hồ Phú Cường   | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 30/03/2012     |

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                         |                   |                              |
|-------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Hồ Văn Lĩnh       | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Trần Phước Chương | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Kế toán trưởng    | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30/4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

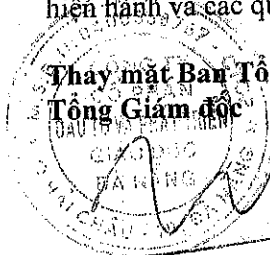
### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

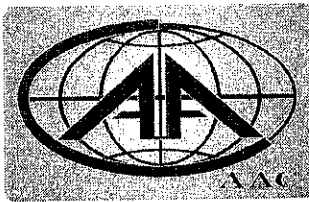
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Hồ Văn Linh

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 8 năm 2015



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 823/2015/BCSX-AAC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 24/07/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

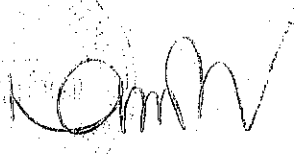
### Phạm vi soát xét

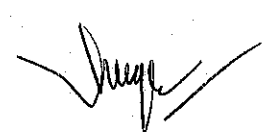
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

  
Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

  
Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

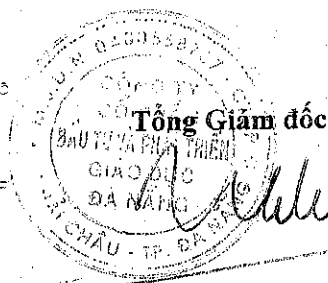
Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>61.073.344.002</b>	<b>65.466.451.286</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.436.486.533</b>	<b>14.903.888.496</b>
1. Tiền	111	5	5.436.486.533	1.903.888.496
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>306.002.273</b>	<b>267.002.273</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	408.545.000	408.545.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(102.542.727)	(141.542.727)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.911.951.337</b>	<b>10.476.871.133</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	28.191.650.240	9.480.465.758
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	485.143.352	930.017.193
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	880.207.533	361.197.349
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(645.049.788)	(294.809.167)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>24.806.293.424</b>	<b>36.983.756.411</b>
1. Hàng tồn kho	141		31.143.194.820	43.358.667.807
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.336.901.396)	(6.374.911.396)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.612.610.435</b>	<b>2.834.932.973</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	1.461.518.015	2.303.479.947
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		130.069.602	531.453.026
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	21.022.818	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.965.008.717</b>	<b>31.258.855.223</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.196.213.747</b>	<b>20.435.791.737</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	12.339.642.530	12.570.720.518
- Nguyên giá	222		16.218.986.394	15.921.127.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.879.343.864)	(3.350.407.376)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	7.856.571.217	7.865.071.219
- Nguyên giá	228		7.884.999.000	7.884.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.427.783)	(19.927.781)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6b</b>	<b>8.944.115.000</b>	<b>9.914.920.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.750.000.000	5.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.255.385.000)	(1.284.580.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>824.679.970</b>	<b>908.143.486</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	824.679.970	908.143.486
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>91.038.352.719</b>	<b>96.725.306.509</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.147.337.400</b>	<b>32.509.408.255</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.147.337.400</b>	<b>32.509.408.255</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	10.925.929.592	10.429.287.066
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	457.063.094	1.616.458.209
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.128.027.566	261.908.588
4. Phải trả người lao động	314		1.886.449.739	363.402.395
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.468.872.373	1.455.715.474
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	223.657.131	7.226.716.127
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	10.181.824.944
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.057.337.905	974.095.452
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>70.891.015.319</b>	<b>64.215.898.254</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>70.891.015.319</b>	<b>64.215.898.254</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	20	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	4.438.356.686	4.045.702.741
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	19.360.019.600	13.077.556.480
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.077.556.480	10.649.286.394
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.282.463.120	2.428.270.086
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>91.038.352.719</b>	<b>96.725.306.509</b>



Tổng Giám đốc

Hồ Văn Linh

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Dũng

Người lập biểu

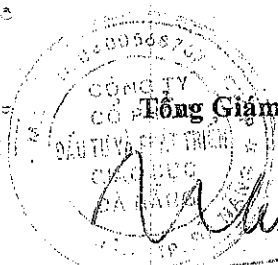
Lê Ngọc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	88.391.483.609	83.874.876.096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	948.280.065	1.134.791.590
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		87.443.203.544	82.740.084.506
4. Giá vốn hàng bán	11	23	68.618.541.323	65.206.777.758
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>18.824.662.221</u>	<u>17.533.306.748</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	609.251.615	1.801.822.086
7. Chi phí tài chính	22	25	821.506.569	2.227.601.827
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	511.470.649	1.690.627.933
8. Chi phí bán hàng	25	26	3.615.736.679	3.666.106.965
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	4.858.174.328	3.871.534.325
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>10.138.496.260</u>	<u>9.569.885.717</u>
11. Thu nhập khác	31	28	6.872.728	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>6.872.728</u>	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>10.145.368.988</u>	<u>9.569.885.717</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.292.290.088	2.072.852.407
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>7.853.078.900</u>	<u>7.497.033.310</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.433	1.368
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.517	1.368



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hồ Văn Linh

Nguyễn Quang Dũng

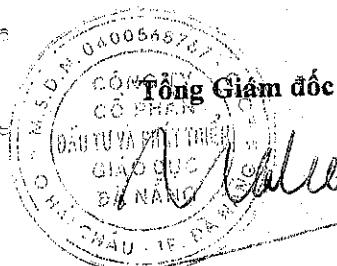
Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	68.288.461.005	66.394.355.231
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(55.241.611.969)	(40.612.003.131)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.204.248.414)	(2.051.636.732)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(521.601.663)	(1.710.317.850)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(402.055.096)	(186.714.706)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	674.251.555	624.503.194
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.454.576.552)	(2.488.311.335)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.138.618.866</b>	<b>19.969.874.671</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(64.710.000)	(4.124.398.808)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	629.314.115	567.877.639
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.564.604.115</b>	<b>(3.556.521.169)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	34.686.559.789	24.653.592.614
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(44.868.384.733)	(39.149.423.453)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.988.800.000)	(7.920.640.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(17.170.624.944)</b>	<b>(22.416.470.839)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(9.467.401.963)</b>	<b>(6.003.117.337)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>14.903.888.496</b>	<b>9.734.614.763</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.436.486.533</b>	<b>3.731.497.426</b>



Tổng Giám đốc

Hồ Văn Linh

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Dũng

Người lập biểu

Lê Ngọc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 28/8/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 41,5 % vốn điều lệ.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Các Công ty liên kết tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:

- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng
- Công ty CP Sách TBTH Bình Định

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu các chứng khoán đó. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật

### Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Website	5

### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất (từ 45 đến 50 năm)
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.9 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Phải trả về phí tổ chức bán thảo, phí bản quyền: chi phí phải trả được xác định căn cứ vào số lượng sách xuất bản và đơn giá quy định tại hợp đồng mua bán bản thảo.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Phải trả chi phí sản xuất sách điện tử Iseebooks: được xác định căn cứ vào khối lượng công việc đã hoàn thành và đơn giá quy định tại hợp đồng.
- Chi phí lãi vay phải trả: được xác định theo lãi suất của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay.

### **4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### **4.11 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

### **4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu của Công ty là hàng bán bị trả lại.

### **4.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Khoản giảm giá vốn trong kỳ là hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

### **4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.17 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, vay ngắn hạn và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
  - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%.
  - ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền mặt	70.528.917	7.175.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.365.957.616	1.896.713.496
<b>Cộng</b>	<b>5.436.486.533</b>	<b>1.903.888.496</b>

## 6. Đầu tư tài chính

### a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Cty CP Sách-TBTH TP. Hồ Chí Minh (STC)	408.545.000	306.002.273	102.542.727	408.545.000	267.002.273	141.542.727
<b>Cộng</b>	<b>408.545.000</b>	<b>306.002.273</b>	<b>102.542.727</b>	<b>408.545.000</b>	<b>267.002.273</b>	<b>141.542.727</b>

Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Giá thị trường của chứng khoán này tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 là 20.400 đồng/Cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

30/06/2015

31/12/2014

Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	5.449.500.000	-	-	5.449.500.000	-	-
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (i)	2.530.000.000	-	-	2.530.000.000	-	-
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (ii)	2.919.500.000	1.255.385.000	1.664.115.000	2.919.500.000	1.284.580.000	1.634.920.000
Đầu tư vào đơn vị khác	4.750.000.000	-	-	5.750.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN (iii)	3.400.000.000	-	-	3.400.000.000	-	-
- Công ty CP D.vụ Xuất bản GD Đà Nẵng (i)	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (i)	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	-
- Công ty CP Giáo dục Phổ thông	-	-	-	1.000.000.000	-	-
(Trước đây là Công ty CP Tia sáng mới)	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.199.500.000</b>	<b>1.255.385.000</b>	<b>1.664.115.000</b>	<b>11.199.500.000</b>	<b>1.284.580.000</b>	<b>1.634.920.000</b>

(i) Có phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm 30/06/2015. Do đó, Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn này.

(ii) Là dự phòng giảm giá đầu tư có phiếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB). Cơ sở trích lập dự phòng là chênh lệch giữa giá gốc và giá đóng cửa của cổ phiếu này tại ngày kết thúc kỳ kế toán tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.

(iii) Đây là khoản góp vốn với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để đầu tư cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa và sách bổ trợ, theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư số 02-DAD/2013/ĐT.XB ngày 30/12/2013. Hiện tại, Công ty đã tiến hành góp vốn 2 đợt với tổng số tiền 3.400.000.000 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty cổ phần Sách & Thiết bị trường học Gia Lai	3.021.782.542	237.789.008
Các đối tượng khác	25.169.867.698	9.242.676.750
<b>Cộng</b>	<b>28.191.650.240</b>	<b>9.480.465.758</b>

*Trong đó Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN	507.848.707	385.498.707
Công ty CP DV Xuất bản GD tại Đà Nẵng	887.973.362	356.092.462
Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi	1.310.402.351	198.713.337
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	1.065.809.499	310.647.779
Công ty CP SGD tại TP. Hồ Chí Minh	180.167.672	106.146.982
Công ty CP Sách & TBTH TP. Hồ Chí Minh	132.308.000	-
Công ty CP ĐT&PT GD Hà Nội	-	361.405.591
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	98.123.870	468.084.448
Công Ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	290.777.680	389.741.280
Công Ty CP Sách & TBGD Miền Nam	157.238.870	122.918.870
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Trị	1.472.552.588	826.558.078
Các đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.103.202.599</b>	<b>3.525.807.534</b>

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Softech	380.128.000	765.628.000
Các đối tượng khác	105.015.352	164.389.193
<b>Cộng</b>	<b>485.143.352</b>	<b>930.017.193</b>

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	645.049.788	294.809.167
- Trên 3 năm	144.360.166	159.051.146
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	38.218.482	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	64.626.520	102.581.416
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	397.844.621	33.176.605
<b>Cộng</b>	<b>645.049.788</b>	<b>294.809.167</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	823.798.833	-	327.181.499	-
Phải thu khác	56.408.700	-	34.015.850	-
- Lãi dự thu	-	-	20.062.500	-
- Phải thu về chi phí sản xuất				
Iseebooks chung chờ phân bổ	42.900.000	-	-	-
- Phải thu CBCNV	13.508.700	-	13.953.350	-
<b>Cộng</b>	<b>880.207.533</b>	<b>-</b>	<b>361.197.349</b>	<b>-</b>

### 11. Hàng tồn kho

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	610.051.702	-	1.119.856.517	-
Chi phí SX, KD dở dang	15.332.875.252	-	21.775.832.697	-
Thành phẩm	15.014.226.366	6.336.901.396	17.270.292.322	6.374.911.396
Hàng hóa	186.041.500	-	3.192.686.271	-
<b>Cộng</b>	<b>31.143.194.820</b>	<b>6.336.901.396</b>	<b>43.358.667.807</b>	<b>6.374.911.396</b>

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2015.

### 12. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ cho hàng tồn kho	1.452.072.561	2.303.479.947
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	9.445.454	-
<b>Cộng</b>	<b>1.461.518.015</b>	<b>2.303.479.947</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Hòa Cầm (*)	824.679.970	859.281.928
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	48.861.558
<b>Cộng</b>	<b>824.679.970</b>	<b>908.143.486</b>

(\*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

### 13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	14.067.753.803	1.470.960.000	382.414.091	15.921.127.894
Mua sắm trong kỳ	64.710.000	-	-	64.710.000
Tăng khác	233.148.500	-	-	233.148.500
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.365.612.303</b>	<b>1.470.960.000</b>	<b>382.414.091</b>	<b>16.218.986.394</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	1.815.264.744	1.215.842.729	319.299.903	3.350.407.376
Khấu hao trong kỳ	391.136.789	86.679.091	16.148.333	493.964.213
Tăng khác	34.972.275	-	-	34.972.275
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.241.373.808</b>	<b>1.302.521.820</b>	<b>335.448.236</b>	<b>3.879.343.864</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	12.252.489.059	255.117.271	63.114.188	12.570.720.518
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>12.124.238.495</b>	<b>168.438.180</b>	<b>46.965.855</b>	<b>12.339.642.530</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 716.335.000 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại 30/06/2015.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2015 là: 4.803.067.550 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.799.999.000</b>	<b>85.000.000</b>	<b>7.884.999.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	19.927.781	19.927.781
Khấu hao trong năm	-	8.500.002	8.500.002
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>28.427.783</b>	<b>28.427.783</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	7.799.999.000	65.072.219	7.865.071.219
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.799.999.000</b>	<b>56.572.217</b>	<b>7.856.571.217</b>

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.

Không có TSCĐ vô hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2015.

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần giấy Phùng Vĩnh Hưng	2.807.513.977	6.378.657.612
Công ty TNHH MTV In Nhân Dân Bình Định	1.663.083.333	55.676.314
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	1.093.410.498	2.358.260.610
Các đối tượng khác	5.361.921.784	1.636.692.530
<b>Cộng</b>	<b>10.925.929.592</b>	<b>10.429.287.066</b>

Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan

Nợ phải trả	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	1.093.410.498	2.358.260.610
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư	-	98.798.650
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1.960.783.842	90.628.711
Công ty CP ĐT&PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	502.885.084	-
Công ty CP Mĩ thuật và truyền thông	Chung công ty đầu tư	316.642.015	332.401.215
Công ty CP DV Xuất bản GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	921.968.894	104.012.456
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	23.318.560	140.477.300
Công ty CP In- PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư	-	100.193.649
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	-	-
<b>Cộng</b>		<b>4.819.008.893</b>	<b>3.224.772.591</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV Ki Do	139.867.650	139.867.650
Công ty TNHH Crown WorldWide	316.800.000	316.800.000
Công ty CP Phát triển Giáo dục Quảng Nam	-	1.028.852.798
Các đối tượng khác	395.444	130.937.761
<b>Cộng</b>	<b>457.063.094</b>	<b>1.616.458.209</b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	223.325.419	2.292.290.088	402.055.096	2.113.560.411
Thuế thu nhập cá nhân: CNCNV	18.019.214	-	39.042.032	(21.022.818)
Thuế thu nhập cá nhân: Vãng lai	20.563.955	244.810.433	250.907.233	14.467.155
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>261.908.588</b>	<b>2.540.100.521</b>	<b>695.004.361</b>	<b>2.092.537.593</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Lãi vay phải trả	-	10.131.014
Phí tổ chức bán thảo, phí bản quyền	2.411.557.353	903.076.460
Chi phí sản xuất sách điện tử	1.048.588.838	531.600.000
Chi phí phải trả khác	8.726.182	10.908.000
<b>Cộng</b>	<b>3.468.872.373</b>	<b>1.455.715.474</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
Tài sản thừa chờ giải quyết	108.069.300	108.069.300
Kinh phí công đoàn	16.300.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	320.000	6.989.120.000
Phải trả khác (Phải trả về Bảo hiểm để lại 2% theo chế độ)	98.967.831	129.526.827
<b>Cộng</b>	<b>223.657.131</b>	<b>7.226.716.127</b>

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	50.000.000.000	(2.907.360.967)	3.457.135.861	-	10.649.286.394
Tăng trong năm	-	-	588.566.880	-	11.771.337.607
Giảm trong năm	-	-	-	-	9.343.067.521
Số dư tại 31/12/2014	<u>50.000.000.000</u>	<u>(2.907.360.967)</u>	<u>4.045.702.741</u>	-	<u>13.077.556.480</u>
Số dư tại 01/01/2015	50.000.000.000	(2.907.360.967)	-	4.045.702.741	13.077.556.480
Tăng trong năm	-	-	-	392.653.945	7.853.078.900
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.570.615.780
Số dư tại 30/06/2015	<u>50.000.000.000</u>	<u>(2.907.360.967)</u>	-	<u>4.438.356.686</u>	<u>19.360.019.600</u>

(\*) Số dư Quỹ dự phòng tài chính năm trước đã được chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển theo Quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	31/12/2014
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Cổ phiếu

	30/06/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	340.800	340.800
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	13.077.556.480	10.649.286.394
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	7.853.078.900	11.771.337.607
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (@)	1.570.615.780	9.343.067.521
- Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	392.653.945	-
- Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	-	588.566.880
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	785.307.890	1.177.133.761
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (5%)	392.653.945	588.566.880
- Chia cổ tức cho các cổ đông	-	6.988.800.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>19.360.019.600</b>	<b>13.077.556.480</b>

@ Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 156/CV-DEIDCO ngày 24/03/2015.

### 21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng doanh thu	88.391.483.609	83.874.876.096
+ Doanh thu bán sách giáo khoa	62.327.829.190	59.859.944.140
+ Doanh thu bán sách tham khảo	15.205.619.409	15.314.309.768
+ Doanh thu khác	10.858.035.010	8.700.622.188
<b>Cộng</b>	<b>88.391.483.609</b>	<b>83.874.876.096</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Hàng bán bị trả lại	948.280.065	1.134.791.590
<b>Cộng</b>	<b>948.280.065</b>	<b>1.134.791.590</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn sách giáo khoa	48.832.082.439	46.575.471.094
Giá vốn sách tham khảo	9.490.232.245	10.024.532.295
Giá vốn hoạt động khác	10.334.236.639	8.606.774.369
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (38.010.000)		-
<b>Cộng</b>	<b>68.618.541.323</b>	<b>65.206.777.758</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi	58.277.615	3.723.195
Cổ tức, lợi nhuận được chia	550.974.000	528.585.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	1.269.513.891
<b>Cộng</b>	<b>609.251.615</b>	<b>1.801.822.086</b>

### 25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí lãi vay	511.470.649	1.690.627.933
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	378.230.920	739.838.894
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư (68.195.000)		(202.865.000)
<b>Cộng</b>	<b>821.506.569</b>	<b>2.227.601.827</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 26. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí vận chuyển sách	658.385.515	716.175.642
Tiền lương nhân viên bán hàng	1.775.439.571	1.673.076.205
Các khoản khác	1.181.911.593	1.276.855.118
- Chi phí khấu hao	235.331.064	185.756.113
- Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	449.255.272	531.502.505
- Chi phí hoa hồng môi giới	125.211.120	53.089.500
- Chi phí thuê kho Hòa Cầm	120.284.958	34.601.958
- Chi phí khác	251.829.179	471.905.042
<b>Cộng</b>	<b>3.615.736.679</b>	<b>3.666.106.965</b>

### 27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	971.406.505	752.416.212
Chi phí tiền lương	1.775.439.573	1.673.076.206
Các khoản khác	2.111.328.250	1.446.041.907
- Chi phí khấu hao	267.133.151	203.771.662
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo	288.530.955	154.459.204
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	350.240.621	-
- Chi phí khác	1.205.423.523	1.087.811.041
<b>Cộng</b>	<b>4.858.174.328</b>	<b>3.871.534.325</b>

### 28. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	6.872.728	-
<b>Cộng</b>	<b>6.872.728</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.145.368.988	9.569.885.717
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	129.696.967	(147.829.320)
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	680.670.967	380.755.680
Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	550.974.000	528.585.000
Tổng thu nhập chịu thuế	10.275.065.955	9.422.056.397
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.292.290.088</b>	<b>2.072.852.407</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.260.514.510	2.072.852.407
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	31.775.578	-

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.853.078.900	7.497.033.310
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.177.961.835)	(1.124.554.997)
- Điều chỉnh tăng		
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi; thù lao HĐQT & BKS)	1.177.961.835	1.124.554.997
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.675.117.065	6.372.478.313
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.659.200	4.659.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.433</b>	<b>1.368</b>

**31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.735.759.443	14.804.421.981
Chi phí nhân công	3.919.419.758	3.752.066.984
Chi phí khấu hao tài sản cố định	502.464.215	449.480.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.554.148.458	25.199.395.237
Chi phí khác bằng tiền	7.205.557.245	3.246.306.480
<b>Cộng</b>	<b>57.917.349.119</b>	<b>47.451.671.298</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 32. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Mua hàng	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	7.178.186.320	3.933.275.132
Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng	Công ty nhận đầu tư	411.614.580	168.592.184
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	285.110.280	604.650.280
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	3.993.792.671	3.975.556.074
Công ty CP ĐT&PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	824.417.234	481.208.489
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	3.479.806.630	3.475.639.885
Công ty CP DV Xuất bản GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.005.293.444	726.411.237
Công ty CP Học Liệu EMCO	Chung công ty đầu tư	921.000.000	-
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	67.427.740	73.686.270
<b>Cộng</b>		<b>18.166.648.899</b>	<b>13.439.019.551</b>

Bán hàng	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	9.712.889.086	9.681.615.565
Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi	Chung công ty đầu tư	3.493.689.014	2.875.044.100
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.240.272.000	632.819.915
Công ty CP In- PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư	5.748.931.168	5.793.020.030
Công ty CP Sách - TBTH Quảng Trị	Chung công ty đầu tư	1.395.994.510	1.056.470.705
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	3.343.519.330	3.360.474.373
<b>Cộng</b>		<b>24.935.295.108</b>	<b>23.399.444.688</b>

#### b. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	301.336.000	391.974.000
Thù lao Hội đồng quản trị	315.088.882	169.966.661

### 33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là in và phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### **34. Quản lý rủi ro**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá nguyên vật liệu, chi phí công in và giá cổ phiếu.

##### *Quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in*

Chi phí nguyên vật liệu (chủ yếu là giấy cuộn, giấy bìa) và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Do đó, việc thay đổi giá của nguyên vật liệu cũng như dịch vụ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến giá thành của thành phẩm. Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức cao. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu cũng như chi phí công in và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

##### *Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Vào ngày 30/06/2015, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 1.970.117.273 đồng. Nếu giá của các cổ phiếu này thay đổi 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ cao/thấp hơn 197.011.727 đồng tương ứng với thay đổi của giá.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh do một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm số dư tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

##### *Phải thu khách hàng*

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng riêng biệt cho từng loại khách hàng. Đối với kinh doanh sách hỗ trợ thi địa bàn và các chính sách bán hàng được thực hiện theo Quyết định của Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Theo đó, khách hàng đối với mặt hàng này được phân làm 2 loại: đối tác chiến lược (11 Công ty hoạt động trên 8 tỉnh Miền Trung và Tây nguyên) và đối tác phát hành (2 Công ty).

Đối với kinh doanh sách tham khảo và các mặt hàng khác, việc kinh doanh được thực hiện theo chính sách bán hàng của Công ty. Theo đó, mỗi khách hàng mới phải được thẩm định kỹ về khả năng phát hành cũng như tài chính để Công ty có phương thức bán hàng riêng cho từng loại khách hàng. Hiện nay, khách hàng của Công ty được chia làm 4 loại: kim cương, vàng, bạc, đồng và mỗi loại khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập hạn mức công nợ và mức chiết khấu cụ thể.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

### *Số dư tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn (Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Đà Nẵng; Ngân hàng Công thương Thành phố Đà Nẵng và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thành phố Đà Nẵng). Rủi ro tín dụng đối với các số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với số dư tiền gửi ngân hàng là giá trị ghi sổ như đã trình bày tại Thuyết minh số 5. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

### *Các công cụ tài chính khác*

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu được coi là quá hạn và đã được trích lập dự phòng vào ngày 30/06/2015.

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đến hạn lệch nhau.

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.925.929.592	-	10.925.929.592
Chi phí phải trả	3.468.872.373	-	3.468.872.373
Phải trả khác	98.967.831	-	98.967.831
<b>Cộng</b>	<b>14.493.769.796</b>	<b>-</b>	<b>14.493.769.796</b>
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.429.287.066	-	10.429.287.066
Chi phí phải trả	1.455.715.474	-	1.455.715.474
Vay và nợ thuê tài chính	10.181.824.944	-	10.181.824.944
Phải trả khác	7.118.646.827	-	7.118.646.827
<b>Cộng</b>	<b>29.185.474.311</b>	<b>-</b>	<b>29.185.474.311</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.436.486.533	-	5.436.486.533
Đầu tư tài chính	306.002.273	4.750.000.000	5.056.002.273
- <i>Vốn niêm yết</i>	306.002.273	-	306.002.273
- <i>Vốn chưa niêm yết</i>	-	4.750.000.000	4.750.000.000
Phải thu khách hàng	27.546.600.452	-	27.546.600.452
Phải thu khác	56.408.700	-	56.408.700
<b>Cộng</b>	<b>33.345.497.958</b>	<b>4.750.000.000</b>	<b>38.095.497.958</b>
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.903.888.496	-	14.903.888.496
Đầu tư tài chính	267.002.273	5.750.000.000	6.017.002.273
- <i>Vốn niêm yết</i>	267.002.273	-	267.002.273
- <i>Vốn chưa niêm yết</i>	-	5.750.000.000	5.750.000.000
Phải thu khách hàng	9.185.656.591	-	9.185.656.591
Phải thu khác	34.015.850	-	34.015.850
<b>Cộng</b>	<b>24.390.563.210</b>	<b>5.750.000.000</b>	<b>30.140.563.210</b>

### 35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

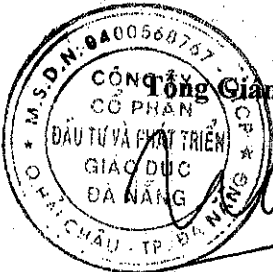
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập BCTC tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp.



**Tổng Giám đốc**

**Hồ Văn Linh**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2015

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Quang Dũng**

**Người lập biểu**

**Lê Ngọc**